

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi
ly hôn Y – C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Y**, sinh năm 1972; ĐKKH: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T; Hiện đang ở: Thôn T3, xã T2, huyện T1, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 2000 (là con gái ruột của anh C và chị Y); Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị D1 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

(Chị Y, chị H, bà Diệu có mặt, anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/9/2020, được bổ sung bằng bản tự khai đề ngày 06/10/2020, nguyên đơn chị Dương Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T4 (nay được sát nhập là thị trấn D), huyện T1, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10/9/2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C lúc đó phát bệnh thần kinh, thường xuyên đánh đập chị và đập phá tài sản trong gia đình dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị đã bế con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm

2001, đến khoảng năm 2003 do anh C và gia đình hai bên gia đình khuyên giải nên chị lại về chung sống với anh C để cho anh cơ hội thay đổi và cùng nhau chăm sóc con cái, tuy nhiên anh C không thay đổi, vẫn thường xuyên đánh đập chửi bới chị. Năm 2009 do không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị đã dẫn theo hai con về nhà mẹ để chị ở xã T2, huyện Thái Thụy và từ đó đến nay hai anh chị sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2000 và cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/8/2008, hiện tại chị không mang thai. Hiện nay Cháu H đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi con Vũ Thị Ngọc H1 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020, bị đơn anh Vũ Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn giống như chị Y trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân do anh bị bệnh thần kinh, thi thoảng phát bệnh thì đánh đập vợ con. Nay chị Y xin ly hôn anh đồng ý vì vợ chồng lâu không còn tình cảm và liên lạc với nhau.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị Y trình bày, Cháu H đã 20 tuổi khỏe mạnh bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, Cháu H1 hiện đang ở với chị Y nên anh đề nghị giao Cháu H1 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung như đề nghị của chị Y.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là chị Vũ Thị Thu H xác nhận tất cả những lời trình bày của ông Vũ Văn C đều đúng với nguyện vọng của ông C. Tại thời điểm ông C được Tòa án lấy lời khai trước sự chứng kiến của chị H, đại diện Chi hội phụ nữ tổ dân phố B, tổ trưởng tổ dân phố B, cán bộ tư pháp của Ủy ban thị trấn D ông C trình bày trong điều kiện sức khỏe bình thường, tỉnh táo, nhận thức bình thường. Bố chị là người mắc bệnh tâm thần có sổ điều trị bệnh và được cấp phát thuốc thường xuyên hàng tháng. Về quá trình chung sống của bố mẹ chị, chị H xác nhận có mâu thuẫn do bố chị thường xuyên đánh đập mẹ chị và hai người ly thân từ năm 2009 đến nay. Bố mẹ chị có hai con chung là chị và em Vũ Thị Ngọc H1. Chị H đã trưởng thành và khỏe mạnh có thể tự nuôi sống bản thân, còn em Hòa có nguyện vọng ở với mẹ vì từ nhỏ mẹ chị đã chăm sóc hai chị em. Về nợ chung, tài sản chung chị H xác nhận ông C và bà Y không có nợ chung, không có tài sản chung do thời gian ly thân quá lâu.

Cả bà Y, ông C và chị H đều đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu tuyên bố ông C mất năng lực hành vi dân sự nhưng không ai yêu cầu tuyên bố ông C là người mất năng lực hành vi dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Đỗ Thị D có ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y và anh C ly hôn vì cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn. Về con chung: Cháu H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Cháu H1 có nguyện vọng ở với chị Y và hoàn cảnh kinh tế của anh C khó khăn nên chị Y không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận nguyện vọng của các bên khi giải quyết vấn đề này. Anh C và chị Y không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 12/11/2020 ở Ủy ban nhân dân thị trấn D và trạm y tế thị trấn D, huyện T1, nơi anh chị đã từng chung sống, đại diện địa phương cung cấp:

Về thời gian, điều kiện kết hôn của chị Y và anh C đúng như anh chị đã trình bày. Quá trình chung sống của chị Y và anh C tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, có tình trạng đánh cãi nhau do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh C khi phát bệnh thần kinh thì thường xuyên đánh đập vợ con. Chi hội phụ nữ và tổ dân phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị Y cùng hai con đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã T2, huyện T1 sinh sống. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn anh C, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị Y và anh C có 02 con chung là, cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2008 hiện đang trưởng thành đang đi học và làm, còn cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/8/2008 do chị Y nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Về nợ chung: theo quản lý của địa phương hiện nay không có thông tin anh chị có nợ tổ chức cá nhân nào, về tài sản chung của hai anh chị địa phương không quản lý được.

Anh C bị rối loạn thần kinh thể tâm thần phân liệt từ năm 2000, khi phát bệnh thì không điều chỉnh được hành vi và cảm xúc hay đập phá đồ đạc, đánh đập người khác còn khi không phát bệnh vẫn nhận biết và sinh hoạt như người bình thường. Anh C vẫn tự sinh hoạt từ khi ly thân chị Y đến nay. Địa phương cũng đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu tuyên bố anh C mất năng lực hành vi dân sự của tổ chức, cá nhân tuy nhiên các tổ chức, cá nhân của địa phương không yêu cầu tuyên bố anh C mất năng lực hành vi dân sự và đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đưa cháu Vũ Thị Thu H là con đẻ của anh C và chị Y vào tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho anh C vì Cháu H đã trưởng thành và bố mẹ đẻ anh C đều đã chết.

Qua xác minh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh T cung cấp thông tin: Anh Vũ Văn C là bệnh nhân tâm thần phân liệt được điều trị ngoại trú tại trạm y tế thị trấn D theo chương trình sức khỏe tâm thần tại cộng đồng thuộc quản lý của Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình. Anh C được chẩn đoán bệnh tâm thần phân liệt hiện tại chưa xác định được thể bệnh, bệnh ít tái phát, tương đối ổn định nhiều năm, bệnh nhân vẫn duy trì

thuộc tương đối đều tại địa phương và có thể vẫn tham gia sinh hoạt lao động gần như người bình thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Y được ly hôn anh C. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2000 hiện đang trưởng thành không đặt ra giải quyết, giao cho chị Y trực tiếp nuôi con chung Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/8/2008, chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn D, huyện T1, tỉnh T, hiện nay anh C đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Y và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/10/1998 tại UBND xã T4 (nay là thị trấn D), huyện T1, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, có tình trạng đánh cãi nhau. Sau đó đến năm 2003 anh chị đã quay lại chung sống nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn, anh C vẫn đánh đập chị Y. Anh chị đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2009 đến nay. Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định việc chị Y và anh C xảy ra mâu thuẫn là có thật, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y không đề nghị hòa giải vì xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ với nhau và cương quyết xin ly hôn; Anh C cũng đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng ly thân quá lâu. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nay chị Y cương quyết xin được ly hôn anh C, căn xử cho chị Y được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Chị Yên và anh C có hai con chung là cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2000 và cháu Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/8/2008. Cả chị Y và anh C đều thống nhất quan điểm nếu ly hôn để Cháu H đã đủ 18 tuổi hoàn toàn khỏe mạnh bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Y trực tiếp nuôi dưỡng Cháu H1 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Vũ Thị Ngọc H1 cũng có nguyện vọng được ở với chị Y. Hội đồng xét xử xét thấy, cần để chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Ngọc H1 và chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tốt nhất về mọi mặt của các con chung. Điều này cũng phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chị Y và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Yên và anh C không có nợ chung, đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh C, Cháu H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Y được ly hôn anh Vũ Văn C.

2. Về con chung: Cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2000 hiện đã trưởng thành và khỏe mạnh nên chị Y và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cho chị Dương Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/8/2008, chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Yên đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 0002382 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn D, huyện T1;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thái Thụy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh